

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2018)*

### **I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI**

Năm 2018, trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục còn nhiều khó khăn; song dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Bình đã tập trung chỉ đạo các ngành, địa phương tích cực triển khai và thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm ổn định tình hình, tháo gỡ vướng mắc, nỗ lực thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra, nhất là những đột phá về phát triển kinh tế xã hội tỉnh. Nhìn chung, tình hình kinh tế - xã hội tỉnh năm 2018 cơ bản ổn định và phát triển, tiếp tục duy trì là tỉnh có chỉ số sẵn sàng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin, chỉ số năng lực cạnh tranh và chỉ số cải cách hành chính cao.

Trong bối cảnh đó, hoạt động tài chính nhà nước tỉnh Quảng Bình đã có nhiều kết quả tích cực. Năm 2018, tổng thu NSNN là 14.179.109 triệu đồng (chưa bao gồm khoản vay của chính quyền địa phương), đạt 131% dự toán HĐND tỉnh giao. Thu cân đối ngân sách là 4.131.432 triệu đồng, đạt 122% dự toán giao trong đó thu ngân sách địa phương được hưởng là 3.499.133 triệu đồng, đạt 119% dự toán giao. Thu nội địa là 3.855.693 triệu đồng, đạt 119% dự toán trong đó thu ngân sách địa phương là 3.424.677 triệu đồng, đạt 117% dự toán giao. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương thực hiện 7.768.570 triệu đồng, đạt 108% so với dự toán, tăng so với dự toán là 485.297 triệu đồng. Đối với các khoản thu được giao dự toán thì đa số các khoản thu đạt và vượt dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao. Tổng chi ngân sách địa phương năm 2018 (không kể số chi chuyển giao giữa các cấp ngân sách địa phương và chi trả nợ vay đến hạn) là: 13.006.546 triệu đồng, đạt 126% so với dự toán. Chi cân đối ngân sách là 10.490.270 triệu đồng đạt 126% so với dự toán giao, bao gồm: chi đầu tư phát triển 4.114.185 triệu đồng, đạt 113,8% so với dự toán địa phương giao; chi thường xuyên 6.375.085 triệu đồng, đạt 97% dự toán giao. Nhìn chung năm 2018 các khoản chi cơ bản tiết kiệm, đảm bảo chi theo dự toán được giao.

Năm 2018 cũng là năm đầu tiên thực hiện việc lập, tổng hợp Báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN) Việt Nam cho số liệu năm ngân sách 2018. Đây là nội dung mới và khó đối với cả các nước đã phát triển trên thế giới. BCTCNN là công cụ để các nhà lãnh đạo quản lý phân tích đánh giá hiện trạng và quản lý toàn bộ các nguồn lực, nghĩa vụ và tình hình sử dụng các nguồn lực của Nhà nước (tài sản công, nợ công, thu nhập, chi phí, vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các tài sản, nguồn vốn khác của Nhà nước). So với các báo cáo quyết toán Ngân sách nhà nước, BCTCNN sẽ cung cấp cho các cấp có thẩm quyền, nhân dân và

các nhà đầu tư bức tranh đầy đủ và toàn diện hơn về tiềm lực tài chính của khu vực tài chính nhà nước. Về lâu dài, BCTCNN góp phần nâng cao hơn nữa tính công khai, minh bạch của thông tin tài chính nhà nước, nâng cao trách nhiệm giải trình của Nhà nước và phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế.

Tại Việt Nam, việc tổng hợp BCTCNN nói chung và BCTCNN tỉnh Quảng Bình nói riêng được thực hiện trong bối cảnh phạm vi khu vực nhà nước rộng, sử dụng những chế độ kế toán, báo cáo khác nhau, trình độ nhận thức và áp dụng nghiệp vụ kế toán, công nghệ thông tin còn khác nhau nên số liệu trên BCTCNN còn chưa đầy đủ, thống nhất; các nội dung giải trình, phân tích còn chưa thực sự đầy đủ; toàn diện, đòi hỏi thời gian để tiếp tục hoàn thiện.

## **II. KỲ BÁO CÁO, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG ĐỂ BÁO CÁO**

Báo cáo tài chính nhà nước tỉnh năm 2018 được lập theo kỳ kế toán năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2018.

Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng

## **II. KỲ BÁO CÁO, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG ĐỂ BÁO CÁO**

BCTCNN năm 2018 được lập theo kỳ kế toán năm được tính từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 năm 2018.

Đơn vị tiền tệ: Việt Nam đồng

## **III. CHUẨN MỤC KẾ TOÁN/CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

BCTCNN được lập tuân thủ quy định của Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015; Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về Báo cáo tài chính nhà nước; Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước.

Các cơ quan, đơn vị áp dụng các chế độ kế toán sau :

- Trường hợp đơn vị dự toán cấp I không có đơn vị kế toán trực thuộc: Báo cáo tài chính được lập theo hướng dẫn tại Thông tư 107/2017/TT-BTC ngày 10/10/2017 về hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và Báo cáo bổ sung thông tin tài chính được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 01/11/2018 về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính tổng hợp của đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị kế toán cấp trên.

- Trường hợp đơn vị dự toán cấp I có đơn vị kế toán trực thuộc: Báo cáo tài chính tổng hợp và Báo cáo bổ sung thông tin tài chính được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 01/11/2018 của Bộ Tài chính.

- Đối với UBND cấp xã, phường: lập báo cáo tài chính xã theo hướng dẫn tại Quyết định số 94/2005/QĐ-BTC ngày 12/12/2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán ngân sách xã và Thông tư số 146/2011/TT-BTC ngày 26/10/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán ngân sách và tài chính xã.

- Đối với Ban quản lý dự án, chủ đầu tư: lập báo cáo tài chính theo Thông tư 195/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 về việc hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư.

- Và các chế độ kế toán khác.

#### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC**

##### **1. Nguyên tắc tổng hợp Báo cáo tài chính nhà nước**

BCTCNN tổng hợp từ Báo cáo tài chính của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế và các đơn vị có liên quan khác thuộc khu vực nhà nước trong phạm vi tỉnh Quảng Bình. Trong đó:

- Các đơn vị không được tổng hợp vào Báo cáo tài chính nhà nước: Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (ngoài Đảng Cộng sản Việt Nam và 05 tổ chức chính trị - xã hội gồm Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam; Hội Nông dân Việt Nam; Hội Cựu chiến binh Việt Nam)

- Một số đơn vị không tổng hợp toàn bộ báo cáo tài chính vào Báo cáo tài chính nhà nước, gồm:

+ Doanh nghiệp có vốn nhà nước: chỉ tổng hợp vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp;

+ Đơn vị có quy định riêng về lập Báo cáo tài chính/Báo cáo tài chính hợp nhất (ví dụ đối với tỉnh là đơn vị chủ đầu tư; UBND xã, phường; đơn vị áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp): chỉ tổng hợp tài sản thuần và thặng dư thâm hụt trong năm.

Các giao dịch nội bộ sau đây được loại trừ trên BCTCNN:

- Các giao dịch nội bộ phải loại trừ khi lập BCTCNN tỉnh bao gồm:

+ Bổ sung cân đối ngân sách; bổ sung có mục tiêu, thu hồi, hoàn trả kinh phí giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện.

+ Chi, tạm ứng kinh phí hoạt động; chi, tạm ứng, ứng trước kinh phí chương trình dự án, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản... cho các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc ngân sách cấp tỉnh.

+ Giao dịch nội bộ giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cùng phạm vi lập Báo cáo tài chính nhà nước (giao dịch giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức trong cùng phạm vi tỉnh, ngoài giao dịch đã được loại trừ khi lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện thuộc tỉnh).

- Các giao dịch nội bộ phải loại trừ khi lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện bao gồm:

+ Bổ sung cân đối ngân sách; bổ sung có mục tiêu, thu hồi, hoàn trả kinh phí giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã/phường.

+ Chi, tạm ứng kinh phí hoạt động; chi, tạm ứng, ứng trước kinh phí chương trình dự án, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc ngân sách cấp huyện.

+ Giao dịch nội bộ giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cùng phạm vi lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện.

## **2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.

## **3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Các khoản đầu tư tài chính bao gồm đầu tư tài chính ngắn hạn và đầu tư tài chính dài hạn. Các khoản đầu tư tài chính có kỳ hạn từ 12 tháng trở xuống được phân loại là đầu tư tài chính ngắn hạn. Các khoản đầu tư có kỳ hạn trên 12 tháng được phân loại là đầu tư tài chính dài hạn.

## **4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu**

Căn cứ ghi nhận các khoản phải thu bao gồm:

- Phải thu thuế; phí, lệ phí; dầu thô và khí thiên nhiên; vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước: căn cứ số thu của NSNN do cơ quan thuế quản lý phát sinh trong năm theo Tờ khai của người nộp thuế, văn bản xác định nghĩa vụ thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi đã tính trừ đi khoản giảm thu phát sinh nhưng chưa thu được tiền.

- Phải thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ: căn cứ khoản tiền được nhận theo hợp đồng bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ chưa thu tiền.

## **5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được ghi nhận căn cứ giá trị thỏa thuận, hợp đồng, cam kết giữa bên cho vay và bên đi vay. Các khoản cho vay bao gồm cho vay ngắn hạn và cho vay dài hạn. Các khoản cho vay có kỳ hạn từ 12 tháng trở xuống được phân loại là cho vay ngắn hạn. Các khoản cho vay có kỳ hạn trên 12 tháng được phân loại là cho vay dài hạn.

## **6. Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định**

Tài sản cố định (TSCĐ) của đơn vị được ghi nhận theo nguyên giá (giá gốc) và giá trị khấu hao hoặc hao mòn lũy kế. Việc trích khấu hao hoặc hao mòn, thời gian sử dụng, tỷ lệ tuân thủ theo quy định hiện hành về quản lý tài sản cố định tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước (Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp).

Các chi phí liên quan đến việc hình thành TSCĐ (mua sắm, xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn) dở dang cuối kỳ được ghi nhận là chi phí XDCB dở dang và không thực hiện trích khấu hao hoặc hao mòn TSCĐ.

### **7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay**

Các khoản nợ vay được ghi nhận căn cứ giá trị thỏa thuận, hợp đồng, cam kết giữa bên đi vay và bên cho vay. Các khoản nợ vay bao gồm nợ ngắn hạn và cho nợ dài hạn. Các khoản nợ có kỳ hạn từ 12 tháng trở xuống được phân loại là nợ ngắn hạn. Các khoản nợ có kỳ hạn trên 12 tháng được phân loại là nợ dài hạn.

### **8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả**

Căn cứ ghi nhận các khoản phải trả bao gồm:

- Phải trả nhà cung cấp: căn cứ giá trị các khoản còn nợ (chưa trả tiền) nhà cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ, nhà thầu XDCB,... cho số hàng hóa, dịch vụ, tài sản đã nhận nhưng chưa thanh toán.

- Nhận ứng trước của người mua: căn cứ khoản tiền người mua đã ứng trước nhưng chưa được nhận hàng hóa, dịch vụ.

- Các khoản phải trả khác: giá trị các tài sản thừa chưa xác định nguyên nhân, chờ giải quyết; các khoản tạm thu chưa xử lý; các khoản còn nợ người lao động ...

### **9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**

Căn cứ ghi nhận doanh thu bao gồm:

- Doanh thu thuế: thuế; phí, lệ phí; dầu thô và khí thiên nhiên; vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước: căn cứ số thu của NSNN do cơ quan thuế quản lý phát sinh trong năm theo Tờ khai của người nộp thuế, văn bản xác định nghĩa vụ thuế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau khi đã tính trừ đi khoản giảm thu phát sinh trong năm báo cáo

- Doanh thu từ viện trợ không hoàn lại: căn cứ giá trị khoản viện trợ nhận được đã hoàn thành thủ tục thanh toán với nhà tài trợ.

- Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận căn cứ giá trị phần dịch vụ phải cung cấp đã hoàn thành và chắc chắn thu được lợi ích kinh tế từ việc cung cấp dịch vụ và kết quả của việc cung cấp dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy. Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi xác định một cách chắc chắn, chi phí liên quan được xác định, phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã chuyển giao cho người mua và không còn nắm giữ quyền quản lý và quyền kiểm soát đối với hàng hóa.

## 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí:

Chi phí được ghi nhận ngay tại thời điểm phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai, không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Chi phí liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp với doanh thu (khi ghi nhận 1 khoản chi phí thì phải ghi nhận 1 khoản doanh thu tương ứng).

## V. THUYẾT MINH CÁC SỐ LIỆU TRÊN CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### 1. (TM01) Tiền và tương đương tiền

Đơn vị: VNĐ

	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
Tiền mặt	39.211.207.117	0
Tiền gửi tại ngân hàng	3.105.758.833.983	0
Tiền đang chuyển	2.967.256.853	0
Các khoản tương đương tiền		0 0
Cộng	<u>3.147.937.297.953</u>	<u>0</u>

### 2. (TM02) Đầu tư tài chính

Đơn vị: VNĐ

	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
Ngắn hạn	140.093.421.149	0
Dài hạn:	555.036.000.000	0
- Vốn NN tại DN, Cty	555.036.000.000	0
- Khác		0 0
Tổng cộng đầu tư tài chính	<u>695.129.421.149</u>	<u>0</u>

### 3. (TM03) Các khoản phải thu

Đơn vị: VNĐ

	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
Phải thu hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ	1.064.456.084.773	0
Phải thu khác	1.365.556.865.900	0
Cộng:	<u>2.430.012.950.673</u>	<u>0</u>

#### 4. (TM08) Xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị: VNĐ

<b>Nội Dung</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản	1.860.031.556.861	0
Trong đó:(chi tiết một số tài sản)		
Chi phí mua sắm	0	0
Trong đó:(chi tiết một số tài sản)		
Chi phí sửa chữa nâng cấp tài sản		0
Trong đó:(chi tiết một số tài sản)	0	0
<b>Cộng</b>	<b>1.860.031.556.861</b>	<b>0</b>

#### 5. (TM09) Nợ:

Đơn vị: VNĐ

<b>Nội Dung</b>	<b>31/12/2018</b>	<b>31/12/2017</b>
Ngắn hạn:	1.003.000.000	0
- Khác	0	
Dài hạn	0	0
- Nợ của chính quyền địa phương	245.664.000.000	
		0
	0	0
<b>Tổng cộng</b>	<b>246.667.000.000</b>	<b>0</b>

#### 6. (TM10) Nguồn vốn:

Đơn vị: VNĐ

	<b>2018</b>	<b>2017</b>
		0
I. Nguồn vốn hình thành tài sản	11.060.249.812.661	0
II. Thặng dư/Thâm hụt lũy kế	4.452.581.323.874	0
III. Nguồn vốn khác	6.117.541.909.178	0

Cộng

21.630.373.045.713

0

### 7. (TM11) Doanh thu thuế:

*Đơn vị: VND*

<b>TT Khoản mục</b>	<b>2018</b>	<b>2017</b>
TT. Khoản mục	0	0
1. Doanh thu thuế thu nhập cá nhân	118.277.648.240	0
2. Doanh thu thuế thu nhập doanh nghiệp	90.607.222.460	0
3. Doanh thu thuế sử dụng đất nông nghiệp	0	0
4. Doanh thu thuế tài nguyên	92.729.708.593	0
5. Doanh thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	7.280.141.490	0
6. Doanh thu thuế giá trị gia tăng	583.984.717.107	0
7. Doanh thu thuế tiêu thụ đặc biệt	88.961.537.851	0
8. Doanh thu thuế xuất khẩu	0	0
9. Doanh thu thuế nhập khẩu	0	0
10. Doanh thu thuế bảo vệ môi trường	181.995.122.836	0
Các loại doanh thu thuế khác	0	0
<b>Cộng</b>	<b>1.163.836.098.577</b>	<b>0</b>

### 8. (TM12) Doanh thu về phí, lệ phí

*Đơn vị: VND*

<b>TT Khoản mục</b>	<b>2018</b>	<b>2017</b>
TT. Khoản mục	0	0
1. Doanh thu từ phí	185.091.144.328	0
2. Doanh thu từ lệ phí	113.274.562.203	0
<b>Cộng</b>	<b>298.365.706.531</b>	<b>0</b>

### 9. (TM16) Doanh thu khác

*Đơn vị: VND*

<b>TT. Khoản mục</b>	<b>2018</b>	<b>2017</b>
TT. Khoản mục	0	0



1. Thu nhập từ bán, chuyển nhượng TSCĐ của Nhà nước	2.503.219.200	0
2. Thu nhập từ cho thuê TSCĐ của nhà nước	139.485.934.327	0
3. Thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản	40.969.183.066	0
4. Thu khác	8.829.356.389.268	0
Cộng	<u>9.012.314.725.861</u>	<u>0</u>

### **10. TM(17) Lưu chuyển tiền tệ**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ chỉ trình bày một số thông tin do không đủ thông tin đầu vào. Trên báo cáo dòng tiền ra được thể hiện bởi dấu “-” và dòng tiền vào được thể hiện “+”, chỉ tiêu MS61 là 2.117.116 triệu đồng được xác định là tồn quỹ NSNN đầu năm 2018, chỉ tiêu MS63 là 2.701.596 triệu đồng được xác định là tồn quỹ NSNN cuối năm 2018, số liệu tại 2 chỉ tiêu này được xác định trên số liệu tại hệ thống Tabmis. Số liệu tại chỉ tiêu MS22, MS 25, MS26, MS 41 và MS 42 được xác định trên cơ sở số liệu tại Báo cáo quyết toán NSNN tỉnh năm 2018. Chỉ tiêu MS23 và MS24 được xác định trên cơ sở số liệu từ hệ thống Tabmis.

### **VI. NỘI DUNG KHÁC**

Báo cáo nhà nước năm 2018 chưa trình bày chỉ tiêu tài sản kết cấu hạ tầng và chưa thuyết minh số liệu tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình để đảm bảo tính đồng bộ thông tin giữa các tỉnh, tỉnh do hiện nay tỉnh, tỉnh chưa nhập đủ thông tin tài sản công của địa phương mình trong Cơ sở dữ liệu quốc gia do Cục Quản lý công sản theo dõi, quản lý. Theo lộ trình dự kiến, từ năm 2020 các thông tin này sẽ được hoàn thiện, chuẩn hóa trong Cơ sở dữ liệu quốc gia và theo đó, sẽ được tổng hợp trình bày trên BCTCNN./.

**Người lập**

**Kiểm soát**

*Quảng Bình, Ngày 03 tháng 12 năm 2019*

**Thủ trưởng đơn vị**